BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

GIỚI THIỆU

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 -2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050

Phú Yên 11/10/2023

Chiến lược là gì?

Chiến lược là chương trình hành động, kế hoạch hành động được thiết kế để đạt được mục tiêu cụ thể, là tổ hợp các mục tiêu dài hạn và các biện pháp, các cách thức, con đường đạt đến các mục tiêu đó.

Là một kế hoạch hành động được thiết kế để đạt được một số kết quả;

Một chiến lược phải giải quyết tổng hợp các vấn đề sau:
- *Xác định mục tiêu cần đạt*
- *Xác định con đường, hay phương thức để đạt mục tiêu.*
- *Và định hướng phân bổ nguồn lực để đạt được mục tiêu lựa chọn.*

Đưa cuộc sống vào chiến lược và chiến lược phải hiện thực hóa được trong cuộc sống.

Chiến lược của ngành, quốc gia giới thiệu với bạn bè bên ngoài về định hướng, cam kết ➔ công cụ marketing

TẠI SAO XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PTNNNT 2021-2030 TẦM NHÌN 2050?

BỐI CẢNH MỚI

- ĐH XIII NN sinh thái, NT hiện đại, ND văn minh
- Tốc độ CNH, ĐTH rất nhanh tác động đến NN, thay đổi XHNT
- Hội nhập sâu rộng, yêu cầu thị trường thay đổi, VN phải theo cam kết QT
- CMCN 4.0; KHCN và đổi mới sáng tạo
- Dịch bệnh Covid, BĐKH, biến động kinh tế: VUCA

NNNT đạt nhiều thành tựu

- Đảm bảo an ninh
- lương thực
- Xuất khẩu mạnh
- Thu nhập, đời sống người dân tăng lên, xóa đói giảm nghèo nhanh, xây dựng NT mới
- Cung cấp tài nguyên
- cho CNH
- Bình ổn kinh tế xã hội

NNNT
CẦN VAI TRÒ MỚI

NN: Bền vững, đa chức năng
NT: Toàn diện, hiện đại
ND: Vai trò và vị thế chủ thể

Vẫn còn những hạn chế

- Tăng trưởng chậm, hiệu quả, giá trị chưa cao
- Thâm dụng tài nguyên, ô nhiễm MT, thiếu bền vững BĐKH
- Phát triển thị trường, hỗ trợ của CN còn yếu
- Cơ hội phát triển và tổ chức, cộng đồng cư dân NT hạn chế

CHIẾN LƯỢC TỔNG THỂ

“Chiến lược PTNNNT bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050” ra đời theo QĐ 150 của TTg

Press Esc to exit full screen

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: 8
Ngày: 7/2/22

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Kết luận số 81-KL/TW ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030; Nghị quyết số 34/NQ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 3 năm 2021 về việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ: số 75/NQ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2021 về phiên họp thường kỳ tháng 6 năm 2021; số 107/NQ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2021 về phiên họp thường kỳ tháng 8 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về phát triển bền vững;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Chiến lược), với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ tổ quốc; gìn giữ, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái. Nông nghiệp là lợi thế, nền tảng bền vững của quốc gia. Nông thôn là địa bàn phát triển kinh tế quan

ĐIỂM MỚI, ĐỘT PHÁ TRONG CHIẾN LƯỢC

01 Đây là Chiến lược của chung toàn XH, không riêng ngành NN. Trong xây dựng chiến lược có sự tham gia của nhiều thành phần: Bộ ngành, địa phương, tổ chức quốc tế, chuyên gia trong nước, quốc tế, người sản xuất và kinh doanh

02 Là chiến lược ngành đầu tiên, toàn diện, có tính liên ngành, tập trung nhiều vào phát triển ND, NT bên cạnh phát triển NN;

03 Chiến lược có nhiều tư duy mới: chuyển đổi từ tư duy SXNN sang tư duy kinh tế NN, tư duy tích hợp đa giá trị, tư duy liên ngành, tư duy phát triển bao trùm, tư duy NN mới

04 Phát triển NN theo hướng bền vững, trách nhiệm: NN sinh thái, NN trách nhiệm, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu.

05 Đổi mới trong tổ chức sx: Lấy KT HT làm động lực để PT kinh tế hộ, liên kết DN, xây dựng Hội đồng ngành hàng. Phát huy vai trò của các hiệp hội, DN, các nhóm xã hội cùng kiến tạo không gian phát triển, tư vấn chính sách. XD vùng chuyên canh đầu tư đồng bộ; cụm CN và DV, Trung tâm logistics phục vụ SX, CB, Tiêu thụ nông sản

ĐIỂM MỚI, ĐỘT PHÁ TRONG CHIẾN LƯỢC

06 Coi khoa học công nghệ, chuyển đổi số là yếu tố then chốt nâng cao hiệu quả, duy trì tăng trưởng, cạnh tranh của ngành

07 Xác lập vai trò, vị trí chủ thể của dân cư NT; trao quyền phân cấp, tạo điều kiện tiếp cận cơ hội phát triển.

08 NTM đi vào chiều sâu cộng đồng thôn bản, phát triển sinh kế đổi mới tổ chức ND; Phát triển CN và kinh tế phi NN tại nông thôn; gắn phát triển NT với phát triển đô thị, đa dạng hóa định hướng phát triển NT mới

09 Đổi mới chính sách: Đất (QSD đất như quyền tài sản, mở rộng đối tượng nhận chuyển nhượng đất NN, xây dựng ngân hàng đất), phát triển thị trường tài chính NT, tăng đầu tư và đổi mới mạnh hoạt động KHCN…

05 QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1.NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN ĐÓNG VAI TRÒ CHIẾN LƯỢC

NÔNG NGHIỆP

Là lợi thế, nền tảng bền vững của quốc gia.

NÔNG THÔN

Là địa bàn phát triển kinh tế quan trọng, là nền tảng văn hóa, xã hội.

NÔNG DÂN

Là lực lượng lao động và nguồn tài nguyên con người quan trọng.

2.PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HIỆU QUẢ, BỀN VỮNG

Phát huy lợi thế, huy động c nguồn lực tự nhiên và khoa h công nghệ, đổi mới sáng tạo

Chuyển từ tư duy "sản xuất nông nghiệp" sang "kinh tế nông nghiệp", tích hợp đa giá trị vào sản phẩm, tăng giá trị

Sản xuất NN trách nhiệm, PT nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp, thích ứng BĐKH

3.XÂY DỰNG NÔNG THÔN VĂN MINH, CSHT ĐỒNG BỘ, DỊCH VỤ TỐT

Xây dựng nông thôn văn minh, có cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, hiện đại, bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp, phát triển môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

Phát triển kinh tế nông thôn đa dạng, chủ động tạo sinh kế nông thôn từ hoạt động phi nông nghiệp, tạo việc làm chính thức, giảm di cư, ổn định xã hội

4.CƯ DÂN NÔNG THÔN LÀ CHỦ THỂ, TRUNG TÂM VÀ ĐƯỢC HƯỞNG LỢI CHÍNH

- Cư dân nông thôn là chủ, chủ thế, trung tâm và được hưởng lợi chính từ thành quả của các hoạt động phát triển nông thôn.
- Phát triển kinh tế hợp tác làm động lực gắn kết kinh tế hộ, hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp.
- Phát triển cộng đồng làm nền tảng trong phát triển nông thôn.

5.HOÀN THIỆN THỂ CHẾ

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.
- Tăng cường huy động nguồn lực cho đầu tư, phát triển nông nghiệp, nông thôn thông qua hợp tác công tư, thu hút đầu tư vào NN nông thôn.

MỤC TIÊU CHUNG

MỤC TIÊU

- Xây dựng nền NN hiện đại, phát huy lợi thế địa phương: tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao.
- Phát triển NT toàn diện, hiện đại gắn với ĐTH, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng NT xanh, sạch, đẹp, an ninh, trật tự được đảm bảo.
- Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người ND và dân cư NT.

MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

GDP 2,5 -3%/năm, NSLĐ 5,5 - 6%/năm.

GTXK: 5 - 6%/năm.

TNNT: 2,5 - 3 lần so với năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều NT giảm 1 - 1,5%/năm.

LĐNN< 20%, LĐ NN đào tạo đạt > 70%.

>90% số xã đạt chuẩn NTM, trong đó 50% nâng cao.

Giảm phát thải KNK 10% so với năm 2020. Che phủ rừng 42%, DT rừng có chứng chỉ quản lý bền vững>1 triệu ha.

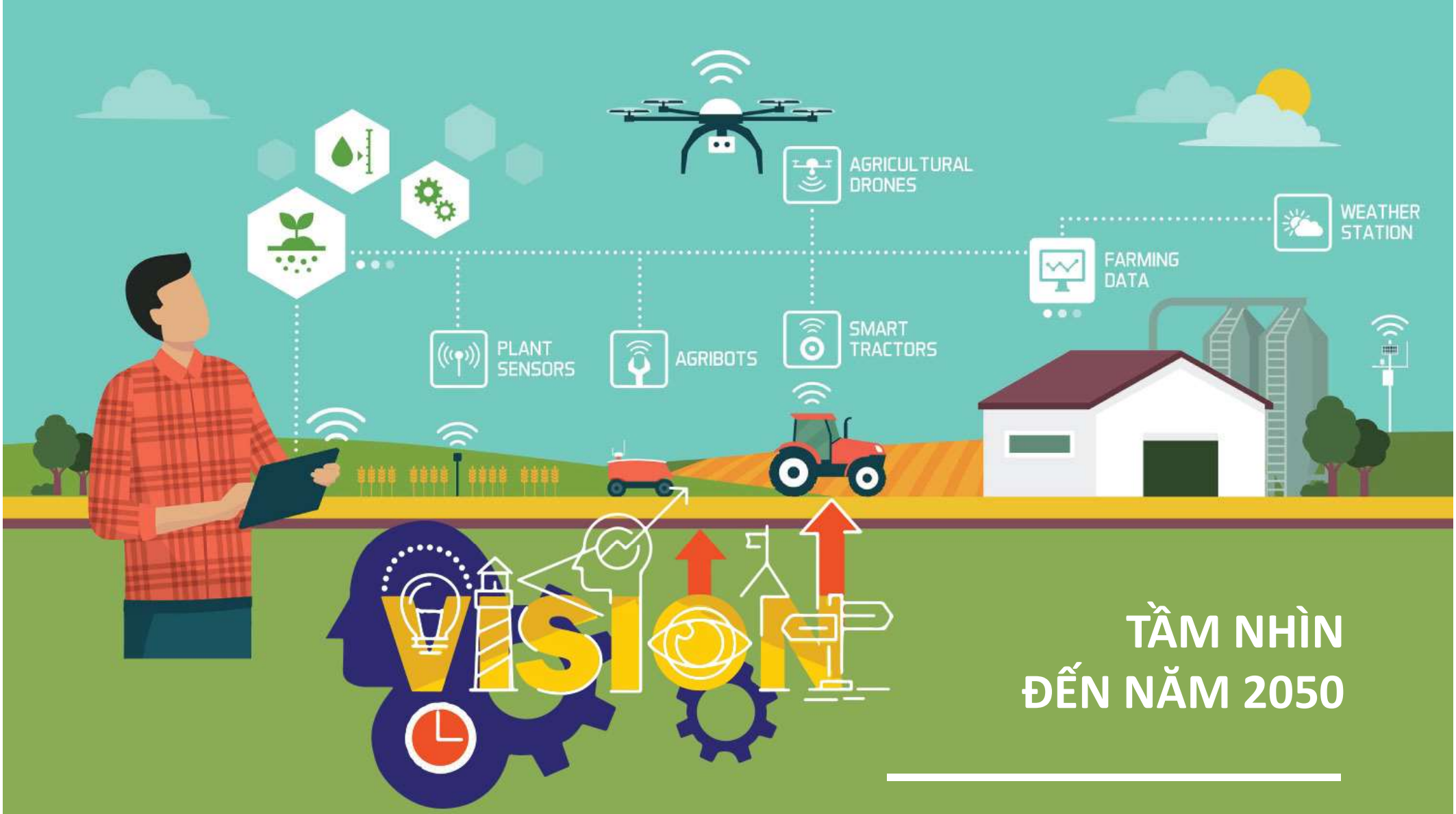

TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

"Việt Nam trở thành một trong những nước có nền NN hàng đầu thế giới với ngành CN CBNS hiện đại, hiệu quả, thân thiện với môi trường. NT không còn hộ nghèo và trở thành "nơi đáng sống", văn minh, xanh, sạch, đẹp với điều kiện sống, thu nhập dân cư nông thôn tiệm cận và kết nối chặt chẽ, hài hoà với đô thị"

08 ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH

01 Tiếp tục cơ cấu lại SXNN gắn với thị trường

02 Hoàn thiện các khâu đầu vào phục vụ SXNN hiệu quả, bền vững

03 Xây dựng vùng chuyên canh, phát triển chuỗi, ứng dụng mô hình NN tiên tiến

04 Phát triển kinh tế nông thôn tạo việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn

05 Xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống

06 Lấy người dân NT là chủ thể, trọng tâm phát triển

07 Xây dựng cộng đồng vững mạnh

08 Bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thích nghi biến đổi khí hậu

1. TIẾP TỤC CƠ CẤU LẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP GẮN VỚI LỢI THẾ CẠNH TRANH VÀ THỊ TRƯỜNG

Định hướng theo nhóm sản phẩm:

- SP chủ lực quốc gia: XD vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn (CSHT hoàn thiện, đảm bảo an toàn dịch bệnh, áp dụng tiêu chuẩn bền vững, số hóa, xây dựng thương hiệu hoặc nhóm thương hiệu quốc gia).
- SP chủ lực cấp tỉnh: Xây dựng quy hoạch, kế hoạch cân đối nhu cầu; SX theo các quy trình tốt, tăng chế biến, xây dựng chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc.
- SP đặc sản địa phương: gắn với bản sắc VH, lợi thế của địa phương theo OCOP. Hoàn thiện sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, cải thiện bao bì, nhãn mác, xây dựng truy xuất nguồn gốc, thương hiệu địa phương và nhãn hiệu hàng hóa;

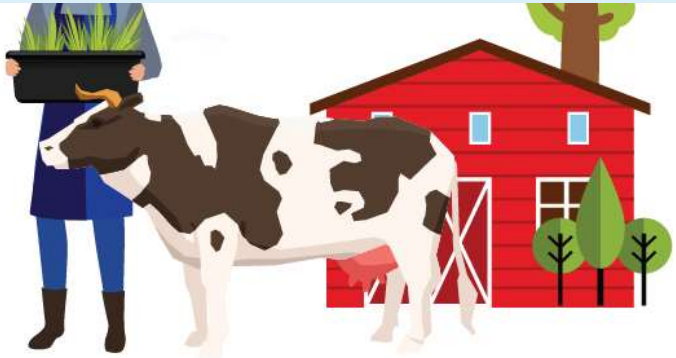

Định hướng các lĩnh vực

- Trồng trọt: PT các cây có lợi thế và thị trường tốt (cây công nghiệp, CAQ nhiệt đới, lúa chất lượng cao…), các cây mới tiềm năng như dược liệu, cây cảnh, nấm ăn...
- Chăn nuôi: PT ngành có tiềm năng và thị trường (thịt gia cầm, trứng, sữa), chăn nuôi bản địa giá trị cao, chăn nuôi công nghiệp công nghệ cao, chăn nuôi truyền thống cải tiến, hữu cơ. Xây dựng vùng chăn nuôi tập trung, an toàn dịch bệnh.
- Thủy sản: PT nuôi tập trung công nghiệp, hiện đại với cơ sở lớn; áp dụng công nghệ cải tiến, nuôi hữu cơ, phối hợp nuôi lồng bè và luân canh/xen canh với hộ nhỏ…PT vùng chuyên canh cho tôm, cá tra. Khai thác thủy sản vùng khơi hiệu quả, bền vững, giảm cường lực khai thác, đảm bảo cam kết quốc tế.
- Lâm nghiệp: PT ngành lâm nghiệp hiện đại hiệu quả, nâng cao thu nhập của người dân, phát huy vai trò bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó hiệu quả với BĐKH.

2. HOÀN THIỆN CÁC KHÂU ĐẦU VÀO PHỤC VỤ SXNN HIỆU QUẢ, BỀN VỮNG

Giống: Nghiên cứu, chọn tạo, chuyển giao và ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu cao; bảo tồn và phát triển giống bản địa. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư SX giống. Nhập nội giống có tính trạng tốt, phù hợp với Việt Nam.

Vật tư đầu vào: Tăng cường quản lý, sử dụng và kinh doanh vật tư NN hướng tới nền nông nghiệp có trách nhiệm; tăng sử dụng phân hữu cơ, vi sinh, thuốc BVTVsinh học. Xây dựng chương trình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp, "sức khỏe" đất, sức khỏe con người, động vật và môi trường sinh thái

Cơ giới hóa: Nâng cao trình độ cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ từ SX đến thu hoạch, bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị, trước hết đối với các sản phẩm chủ lực. Ưu tiên ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường và phù hợp đặc điểm từng ngành hàng

Cơ sở hạ tầng: Hoàn thiện CSHT thủy lợi, hạ tầng cả cá, hạ tầng phục vụ lâm nghiệp, hạ tầng CNNT, hạ tầng số, hạ tầng thương mại

3. XÂY DỰNG VÙNG CHUYÊN CANH, PHÁT TRIỂN CHUỖI, ỨNG DỤNG MÔ HÌNH NN TIÊN TIẾN

Hình thành khu, cụm CN và dịch vụ phục vụ NN (kho tàng, bến bãi, nhà máy chế biến, trạm trại giống...). PT CN chế biến, logistics, hình thành các vùng nguyên liệu tập trung. Xây dựng một số khu NNCNC.

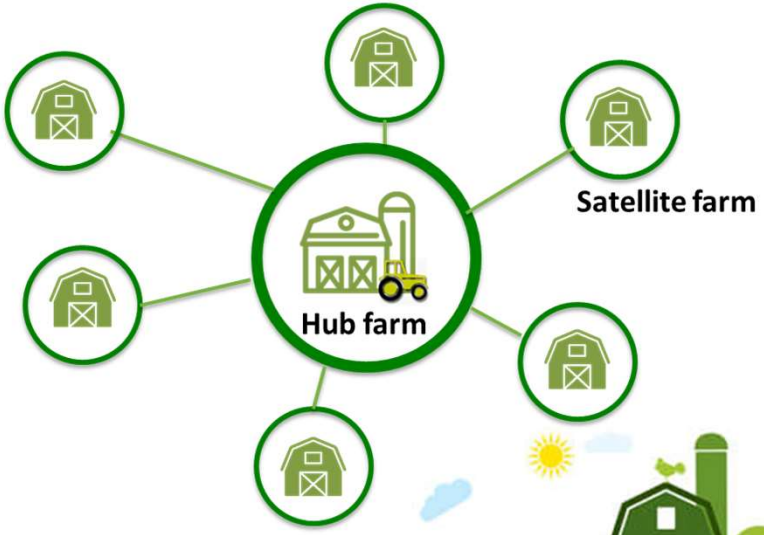

Phát triển NN sinh thái, giảm phát thải; NN hữu cơ, tuần hoàn, NN thông minh, NN công nghệ cao, NN kết hợp công nghiệp, NN kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ bảo vệ môi trường)

Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị đảm bảo nguyên tắc bền vững, minh bạch, trách nhiệm.

4. PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN TẠO VIỆC LÀM VÀ TĂNG THU NHẬP CHO DÂN CƯ NÔNG THÔN

Phát triển các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ, thu hút các ngành sử dụng nhiều lao động, đảm bảo "ly nông bất ly hương". ĐTH tại các trung tâm vùng để giảm tải di cư cho các thành phố chính.

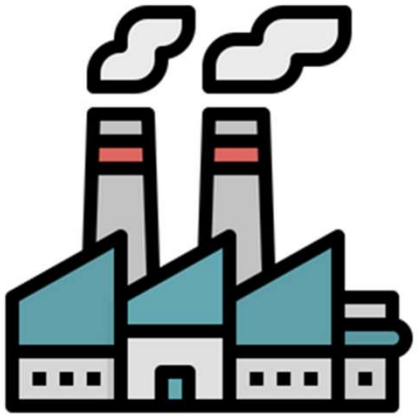

Chính thức hóa "LĐ phi chính thức" rút ra từ NN. Hình thành các tổ chức chính thức (HTX, doanh nghiệp, hộ nghề có đăng ký, tổ chức của hội nông dân ...).

Chuyên nghiệp hóa ND. Nâng cao vai trò hội nông dân, tổ chức các nghiệp đoàn, công đoàn LĐ

Phát triển mạnh kinh tế dịch vụ ở NT, đa dạng hóa các loại hình, quy mô...tạo việc làm, thu hút lực lượng LĐ, hình thành một nền kinh tế dịch vụ ở khu vực NT.

5. XÂY DỰNG NÔNG THÔN VĂN MINH, HIỆN ĐẠI GẮN VỚI ĐÔ THỊ HÓA, GIỮ GÌN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

Hiện đại hóa hạ tầng NT đảm bảo kết nối NT-ĐT. Xây dựng, hoàn thiện, bảo trì hạ tầng thiết yếu, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, hạ tầng công nghệ thông tin, thương mại, y tế giáo dục, văn hóa, thể thao

Xây dựng NTM phù hợp với trình độ phát triển, văn hóa và điều kiện cụ thể của vùng miền, đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững, tránh dàn trải, lãng phí. Đa dạng hóa xây dựng NTM theo 3 hướng:

- Các xã ven đô: Phát triển NN đô thị, hoàn thiện CSHT, dịch vụ xã hội có chất lượng tiệm cận với thành thị, hình thành các “thành phố xanh”, “khu đô thị sinh thái”. Phát triển các đô thị vệ tinh giảm tải cho các đô thị chính và từng bước đưa đô thị phát triển về NT.
- Các xã vùng NN hàng hóa lớn: Xây dựng các vùng chuyên canh đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, có cơ sở hạ tầng và các cụm ngành chế biến - dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh.
- Các xã nông thôn truyền thống: Phát triển sản phẩm đặc sản địa phương, làng nghề; phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch nông thôn trên cơ sở bảo tồn và phát huy văn hóa địa phương.

6. PHÁT TRIỂN BAO TRÙM, LẤY NGƯỜI DÂN NT LÀ CHỦ THỂ, TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN

➢Đảm bảo tiếp cận bình đẳng nguồn lực phát triển, dịch vụ, phúc lợi XH, cơ hội, thị trường cho NT. Xây dựng các chính sách phúc lợi XH công bằng, giảm nghèo bền vững

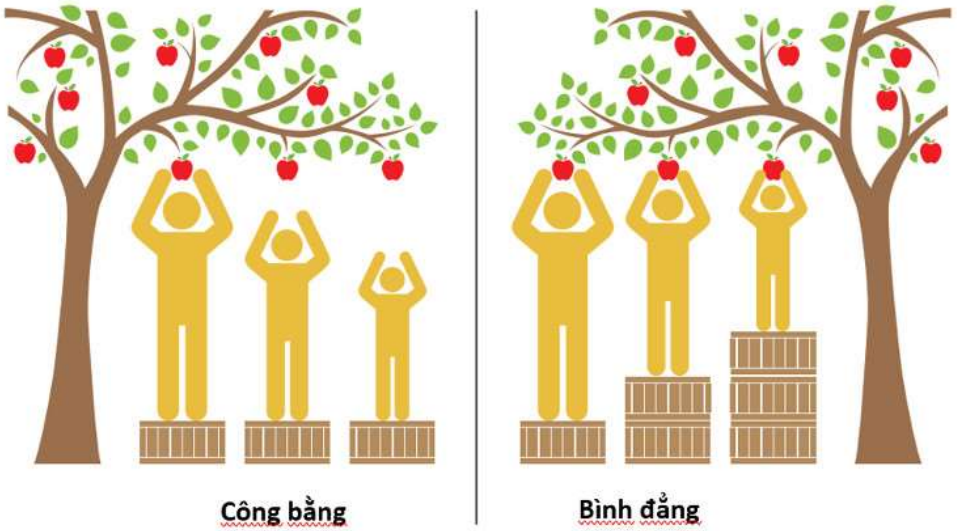

➢Chủ động phòng chống rủi ro, đảm bảo an ninh nông thôn, an toàn trước thiên tai, địch họa

➢Thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo. Đa dạng hóa nguồn lực và phương thức giảm nghèo. Dứt điểm "xóa đói" và tiến tới xóa nghèo.

7. XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG VỮNG MẠNH LÀM NÒNG CỐT XÂY DỰNG NT, SXNN

- Củng cố truyền thống tốt đẹp và quan hệ cộng đồng đa dạng tại NT (thôn bản, dòng họ, hội quán...) phát huy nội lực và tinh thần tự chủ, tự hào, đoàn kết, sáng tạo.

- Hỗ trợ và phát huy vai trò làm chủ của cộng động và người dân trong bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp, đẩy lùi hủ tục, văn hóa ngoại lai không phù hợp

- Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; vai trò của các tổ chức cộng đồng, thực hiện nghiêm túc phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" để khơi dậy nguồn lực và sức mạnh của người dân, cộng đồng

8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI, CẢNH QUAN THÍCH NGHI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

- Phát triển cảnh quan NT gắn với làng sinh thái, thông minh đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên. Quy hoạch không gian hợp lý để tách ngành ô nhiễm ra khu dân cư. Trồng lại rừng phòng hộ và đặc dụng, phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, các hồ chứa
- Chấm dứt lạm dụng hóa chất, nguyên vật liệu khó phân hủy; tái tạo các nguồn tài nguyên cơ bản: đất, nước, năng lượng, phụ phẩm
- Chủ động thích ứng BĐKH bằng các biện pháp canh tác thích nghi, áp dụng các biện pháp kỹ thuật thân thiện với môi trường

Tăng sử dụng nguyên liệu vi sinh hoặc hữu cơ, áp dụng kỹ thuật thông minh, kinh tế tuần hoàn, phát triển năng lượng tái tạo kết hợp nông nghiệp. Tăng cường trồng rừng, phát triển các cây lâu năm sinh khối lớn và phát triển nuôi trồng các loại rong tảo hấp thụ bớt các-bon

10 GIẢI PHÁP CHÍNH

1. TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC ĐỔI MỚI TƯ DUY, THỐNG NHẤT NHẬN THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG

- Tuyên truyền, giáo dục đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động cho các đối tượng về các vấn đề mới như *PT NN bền vững, NN có trách nhiệm, NN sinh thái, NN xanh NN hữu cơ, NN tuần hoàn, …; Chuyển đổi tư duy sx sang kinh tế NN, phát triển NN đa giá trị; Từ chuỗi cung ứng sang chuỗi giá trị, từ đơn ngành sang đa ngành xây dựng cụm liên kết, từ tư duy quản lý hành chính sang liên kết vùng,*
- Xây dựng các tài liệu và chương trình tuyên truyền giáo dục cho các đối tượng chính.
- Huy động truyền thông, mạng XH, văn nghệ, văn học, đoàn thể,…

2. ĐỔI MỚI TỔ CHỨC SX KINH DOANH, HOÀN THIỆN QUAN HỆ SX

- Xây dựng chính sách (vốn, đào tạo, tiếp cận thị trường) hỗ trợ nông dân tiếp cận thị trường, nguồn vốn, máy móc, công nghệ tiên tiến nâng cao hiệu quả, tiến tới chuyên nghiệp. Xây dựng chương trình tri thức hóa ND, ND khởi nghiệp. Hỗ trợ ND chuyển đổi
- Đổi mới chính sách thúc đẩy phát triển tổ hợp tác, HTX trở thay thế các tác nhân trung gian trong cung cấp đầu vào, DV hỗ trợ SX, KD, tiêu thụ nông sản.
- Có chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, hình thành hệ sinh thái ngành hàng, hỗ trợ khởi nghiệp.
- Gắn phát triển cộng đồng với xây dựng kinh tế hợp tác, doanh nghiệp

3. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ; TRÌNH ĐỘ, HIỆU QUẢ KHCN VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề (hình thức tổ chức và chất lượng đào tạo nghề gắn với nhu cầu doanh nghiệp, với cộng đồng LĐ).
- Tăng đầu tư công KHCN. Đầu tư đồng bộ Viện trường đầu ngành. Đầu tư trọng tâm, trọng điểm gắn với chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến.
- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý nghiên cứu khoa học, quản lý hoạt động tổ chức công lập, thúc đẩy liên kết công tư, xã hội hóa KHCN.
- Hoàn thiện môi trường pháp lý thị trường KHCN đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, phát triển tổ chức trung gian kết nối (sàn giao dịch, trung tâm giao dịch, trung tâm hỗ trợ đổi mới,..).
- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông, chuyển giao công nghệ. Tăng cường phối hợp công –tư. PT khuyến nông cộng đồng, cơ sở. Đa dang hình thức KN, phát triển KN điện tử.
- Tập trung phát triển các khu, vùng NN CNC để thu hút đầu tư, ươm tạo KHCN

4. PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC ĐẢM BẢO ĐẦU RA ỔN ĐỊNH CHO NÔNG SẢN

- Phát triển CSHT, kết nối vùng sản xuất chuyên canh với hệ thống tiêu thụ, phát triển giao thông, vận tải đa dạng, chuyên dụng
- Trong nước: đổi mới hệ thống phân phối, bán lẻ, hình thành hệ thống chợ đầu mối gắn với chuỗi sản xuất logistics ở vùng trọng điểm.
- Xuất khẩu: Phát huy các hiệp định TM, phát triển XK chính ngạch. Phần cấp trao quyền, năng lực cho hiệp hội ngành hàng.
- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường, nâng cao năng lực phân tích, dự báo.

5. XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN KẾT CẤU HẠ TẦNG

- Phát triển thủy lợi đa mục tiêu hướng vào phục vụ thủy sản, cây lâu năm; đảm bảo.
- Xây dựng, nâng cấp hệ thống phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu.
- Ứng dụng công nghệ quản lý, sử dụng, tái tạo nước hiệu quả.
- Phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu, đầu tư cơ sở hạ tầng trên bờ, nuôi biển.
- Đầu tư xây dựng hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng.
- Phát triển hạ tầng giao thông, chuỗi lạnh, logistic, bảo quản, chế biến.

6. ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- Đổi mới quản lý ngành, cải cách thể chế, thủ tục hành chính theo hướng số hóa, tạo môi trường hoạt động cho nhân dân, phục vụ đối tượng
- Phát triển, trọng dụng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành. Phối hợp đóng góp phản biện, đánh giá chính sách
- Đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, được đầu tư theo đóng góp. Đẩy mạnh hợp tác công tư
- Xã hội hóa, phân cấp cho các tổ chức nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ công, tham gia quản lý.

7. THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

- Số hóa, tạo lập dữ liệu chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành.
- Phát triển mô hình NN thông minh, số hóa.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý sản xuất, giám sát cung, cảnh báo dịch bệnh, tài nguyên, môi trường.
- Hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử.
- Phát triển nông thôn mới thông minh, xã hội số
- Tăng đầu tư xây dựng và đẩy mạnh ứng dụng chính phủ điện tử.

8. CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, QUẢN LÝ RỦI RO

- Áp dụng biện pháp giảm phát thải khí nhà kính thông qua quản lý và sử dụng tiết kiệm hiệu quả nguồn tài nguyên, xử lý phế phụ phẩm, quản lý rừng bền vững, tăng trồng mới rừng;
- Xây dựng hệ thống cảnh báo dự báo, xác định rủi ro.
- Chuyển đổi nông nghiệp sang phát triển vững bền và thích nghi

9. HỘI NHẬP VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

- Hội nhập và hợp tác quốc tế. Tăng cường hợp tác với các quốc gia thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, tiếp cận khoa học công nghệ.
- Triển khai các chương trình phát triển thị trường, xây dựng hệ thống phòng vệ thương mại
- Gắn thương mại với đầu tư; tranh thủ tiếp thu KHCN, mở rộng thị trường, vượt qua mô hình “SX gia công”

10. XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN VÀ TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH ĐỘT PHÁ

- Đất đai: huy động cơ chế thị trường
- Tài chính tín dụng: phát triển thị trường nông thôi
- Đầu tư công: tăng vốn, hợp lý cơ cấu và cơ chế.
- Thuế: phân cấp, điều chỉnh
- Nhân lực: chủ động, theo thị trường
- KHCN: xã hội hóa, thị trường

ĐI KÈM ĐỔI MỚI THỂ CHẾ, TỔ CHỨC:

- Phát triển HTX
- Đổi mới hiệp hội, ngành hàng
- Phát triển cộng đồng
- Cải cách hành chính

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHẢI LÀ ĐÓNG GÓP CHUNG

NÔNG DÂN

DOANH NHÂN

CỘNG ĐỒNG

NHÀ NƯỚC

QUỐC TẾ

Trân trọng cảm ơn!

Đường link online của Tài hiệu hỏi đáp chiến lược

TÀI LIỆU HỎI ĐÁP CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN BỀN VỮNG (ipsard.gov.vn)